

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH QUANG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH QUANG SERVICE AND TRADING DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107568370

**3. Ngày thành lập:** 17/09/2016

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19, ngõ 55, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971637650

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                     | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                      | 2620     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                 | 2630     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                             | 2640     |
| 5.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                              | 2740     |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                      | 2750     |
| 8.  | Sản xuất bệ, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động   | 2814     |
| 9.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                 | 2511     |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                               | 2591     |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                   | 2592     |
| 12. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                 | 1701     |
| 13. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                            | 1702     |
| 14. | In ấn                                                                          | 1811     |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                       | 1812     |
| 16. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                   | 4661     |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)                    | 4662     |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                        | 4663     |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                              | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                            | 4690        |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 22. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 25. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311        |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313        |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 29. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210        |
| 31. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290        |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                          | 4312        |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322        |
| 37. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 39. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 40. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4520        |
| 41. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                      | 4530        |
| 42. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                     | 4542        |
| 43. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4543        |
| 44. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                           | 4610        |
| 45. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641        |
| 46. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 47. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651        |
| 48. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm: thiết bị thu phát sóng)                                                                           | 4652        |
| 49. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653        |
| 50. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                      | 4931 |
| 52. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                         | 4932 |
| 53. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                           | 4933 |
| 54. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                     | 8299 |
| 55. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                | 9511 |
| 56. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                               | 9512 |
| 57. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                             | 9521 |
| 58. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>(Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật). | 9522 |
| 59. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                         | 7310 |
| 60. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                   | 7710 |
| 61. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                      | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HIỀN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 16/11/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088000341

Ngày cấp: 05/04/2013

Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU HIỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/11/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001088000341*

Ngày cấp: *05/04/2013*

Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*